

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

Số: 45 /2017/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bắc Giang, ngày 29 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Quy định biện pháp quản lý thuế đối với hoạt động kinh doanh vận tải trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Quản lý Thuế ngày 29 tháng 11 năm 2006;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế ngày 20 tháng 11 năm 2012;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng ngày 19 tháng 6 năm 2013;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Quản lý thuế ngày 06 tháng 4 năm 2016;
Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 03 tháng 6 năm 2008;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 19 tháng 6 năm 2013;
Căn cứ Luật Thuế thu nhập cá nhân ngày 21 tháng 11 năm 2007;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân ngày 22 tháng 11 năm 2012;
Căn cứ Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế;
Căn cứ Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng ô tô;
Căn cứ Thông tư liên tịch số 152/2014/TTLT-BTC-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện giá cước vận tải bằng xe ô tô và giá dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;
Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Bắc Giang tại Tờ trình số 5719/TTr-CT ngày 18 tháng 12 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về mức doanh thu tối thiểu bình quân/tháng làm cơ sở ấn định thuế và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong việc thực hiện các biện pháp tăng cường quản lý thuế đối với hoạt động kinh doanh vận tải trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

2. Đối tượng áp dụng

Các doanh nghiệp, hợp tác xã có hoạt động kinh doanh vận tải (kể cả doanh nghiệp, hợp tác xã làm dịch vụ vận tải, khoán, cho thuê phương tiện vận tải) có trụ sở chính hoặc chi nhánh đóng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang thuộc các trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế; cá nhân có hoạt động kinh doanh vận tải nộp thuế theo phương pháp khoán bao gồm: cá nhân, hộ kinh doanh, cá nhân thuê hoặc nhận khoán phương tiện vận tải của các tổ chức, cá nhân khác tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh thuộc các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 38 Luật Quản lý thuế năm 2006 (các đối tượng trên sau đây gọi chung là đơn vị vận tải).

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý hoạt động kinh doanh vận tải trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 2. Biện pháp quản lý thuế đối với hoạt động kinh doanh vận tải

1. Mức doanh thu tối thiểu bình quân/tháng của từng phương tiện để cơ quan Thuế (bao gồm: Cục Thuế, Chi cục Thuế huyện, thành phố) làm cơ sở ấn định doanh thu tính thuế hoặc xác định mức doanh thu khoán thuế được quy định theo Phụ lục kèm theo Quyết định này.

2. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức:

a) Cơ quan Thuế

Phối hợp với các cơ quan, tổ chức (Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Hiệp hội Vận tải tỉnh, Đài Phát thanh – Truyền hình tỉnh, Báo Bắc Giang, Đài Truyền thanh – truyền hình các huyện, thành phố) tổ chức tuyên truyền chính sách pháp luật về thuế, tập trung chuyên sâu đối với lĩnh vực kinh doanh vận tải. Duy trì đường dây nóng, hộp thư điện tử để tiếp nhận thông tin phản ánh vi phạm về hoạt động kinh doanh vận tải.

Phối hợp với các cơ quan (Sở Giao thông vận tải, Công an tỉnh) thực hiện thanh tra, kiểm tra tình hình chấp hành pháp luật thuế trong lĩnh vực kinh doanh vận tải; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật thuế.

Chi cục Thuế các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch phối hợp với các ngành, đơn vị ở địa phương tổ chức rà soát, thống kê, đối chiếu số lượng phương tiện vận tải tại thời điểm 30/5, 30/11 hàng năm để thực hiện đầy đủ các biện pháp quản lý thuế; chủ động tham mưu với chính quyền địa phương chỉ đạo các cơ quan chức năng phối hợp tiến hành kiểm tra và xử lý nghiêm các đơn vị vận tải vi phạm pháp luật thuế tại địa phương.

Hàng quý, trước ngày 15 của tháng đầu quý, cung cấp danh sách chủ phương tiện vi phạm pháp luật thuế đề nghị cưỡng chế thuế cho Sở Giao thông vận tải, các Trung tâm đăng kiểm, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

Thực hiện ấn định doanh thu tính thuế, xác định doanh thu khoán thuế trên cơ sở mức doanh thu tối thiểu được quy định tại Phụ lục kèm theo Quyết định này theo đúng quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan xây dựng, quản lý và phát triển cơ sở dữ liệu thông tin về người nộp thuế thuộc ngành vận tải phục vụ yêu cầu quản lý.

Định kỳ hằng năm (trước 20/12), Cục Thuế chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện tổng kiểm tra, rà soát hoạt động kinh doanh vận tải và việc chấp hành nghĩa vụ thuế của các đơn vị vận tải trên địa bàn tỉnh, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Sở Giao thông vận tải

Định kỳ hàng quý, trước ngày 15 của tháng đầu quý, cung cấp cho cơ quan Thuế, Công an tỉnh thông tin mới có liên quan đến các đơn vị vận tải (tên đơn vị, địa chỉ, số điện thoại liên hệ, số giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, người đại diện theo pháp luật, loại hình vận tải được cấp phép), phương tiện (biển kiểm soát, số chỗ đối với xe chở người hoặc khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông đối với xe chở hàng hóa, tên trong giấy chứng nhận đăng ký xe, tên đơn vị sử dụng phương tiện kinh doanh vận tải hợp pháp) đã được Sở Giao thông vận tải cấp phù hiệu, biển hiệu và các phương tiện không được cấp phép.

Thu hồi giấy phép kinh doanh vận tải, phù hiệu, biển hiệu kinh doanh vận tải; chỉ đạo các đơn vị trực thuộc không thực hiện đăng kiểm, không cấp lệnh xuất bến đối với các đơn vị vận tải vi phạm pháp luật thuế theo văn bản đề nghị của cơ quan Thuế. Định kỳ ngày 15 hàng tháng, thông báo kết quả xử lý cho Cục Thuế và Công an tỉnh.

Công khai thông tin trên cổng thông tin của ngành và trên phương tiện thông tin đại chúng các xe có vi phạm pháp luật và phối hợp với cơ quan Thuế thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật tại các đơn vị vận tải.

Chỉ đạo Thanh tra giao thông phối hợp với cơ quan Thuế kiểm tra, xử lý các phương tiện vận tải đang hoạt động kinh doanh nhưng không có Giấy phép kinh doanh vận tải.

Báo cáo, đề nghị Cục đăng kiểm Việt Nam nhập cảnh báo toàn quốc trên Chương trình quản lý kiểm định đối với các chủ phương tiện vận tải vi phạm pháp luật để các Trung tâm không kiểm định theo quy định tại khoản 6, Điều 4, Thông tư số 70/2015/TT-BGTVT ngày 09/11/2015 của Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

c) Công an tỉnh

Kiểm tra, xử lý vi phạm trong việc thực hiện các quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng ô tô.

Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trong ngành Công an phối hợp với cơ quan Thuế kiểm tra, xác minh, điều tra các đơn vị vận tải không kê khai nộp thuế, nợ đọng thuế theo đề nghị của cơ quan Thuế.

Chỉ đạo Phòng Cảnh sát giao thông trước ngày 15 của tháng đầu quý, cung cấp danh sách các phương tiện vận tải đăng ký mới bằng văn bản và file mềm

cho Cục Thuế.

Chỉ đạo lực lượng Cảnh sát giao thông các cấp thực hiện kiểm tra, xử lý các phương tiện vận tải tham gia giao thông có vận chuyển hàng hóa, hành khách nhưng không có Giấy phép kinh doanh vận tải (hoặc Phù hiệu) theo quy định pháp luật về giao thông, chuyển thông tin để cơ quan Thuế cùng cấp xử lý về thuế trước ngày 10 hàng tháng.

d) Sở Tài chính

Chủ trì phối hợp với Sở Giao thông vận tải thông báo danh sách các tổ chức, cá nhân kinh doanh vận tải bằng xe ô tô trên địa bàn tỉnh thực hiện kê khai giá. Hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện giá cước vận tải bằng xe ô tô theo quy định tại Thông tư liên tịch số 152/2014/TTLT-BTC-BGTVT ngày 15/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện giá cước vận tải bằng xe ô tô và giá dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

Định kỳ trước ngày 10/01, ngày 10/7 hàng năm và trường hợp đột xuất khi có biến động về giá cước vận tải, chuyển thông tin mức giá kê khai của các tổ chức, cá nhân kinh doanh vận tải bằng xe ô tô trên địa bàn tỉnh cho Cục Thuế để phối hợp quản lý thuế.

Xem xét đề xuất của Cục Thuế, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh hỗ trợ kinh phí để triển khai thực hiện nhiệm vụ phối hợp quản lý, chống thất thu thuế đối với hoạt động kinh doanh vận tải bằng ô tô trên địa bàn tỉnh.

đ) Các Trung tâm, đơn vị đăng kiểm cơ giới hoạt động trên địa bàn tỉnh

Trước ngày 10 hàng tháng, cung cấp danh sách xe đăng kiểm có kinh doanh vận tải, không kinh doanh vận tải của tháng trước (danh sách theo biển số xe) cho Cục Thuế để đối chiếu, quản lý thuế.

Từ chối kiểm định các phương tiện có kinh doanh vận tải chưa thực hiện nghĩa vụ thuế theo văn bản đề nghị của cơ quan Thuế. Công khai, niêm yết danh sách các xe có vi phạm pháp luật Thuế do Cục Thuế cung cấp tại Phòng giao dịch khách hàng của Trung tâm.

e) Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

Chỉ đạo bộ phận đăng ký kinh doanh kịp thời cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh của các đơn vị vận tải cho cơ quan Thuế.

Chỉ đạo các đơn vị tại địa phương phối hợp thường xuyên với cơ quan Thuế thực hiện rà soát, thống kê số lượng đầu xe của các đơn vị vận tải có phương tiện đăng ký mới trên địa bàn.

Chỉ đạo thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành (gồm: Thuế, Công an, Thanh tra, Quản lý thị trường) tổ chức kiểm tra, xử lý các đơn vị vận tải không hợp tác kê khai thuế hoặc nợ đọng thuế theo đề nghị của Chi cục Thuế.

g) Ủy ban nhân dân cấp xã

Trước khi chứng thực hợp đồng mua bán, chuyển nhượng phương tiện vận tải cho các chủ xe tại địa phương, yêu cầu chủ phương tiện phải nộp đầy đủ số tiền thuế còn nợ trên cơ sở đề nghị của cơ quan Thuế.

h) Các đơn vị vận tải

Tự giác chấp hành nghiêm Luật Quản lý thuế và các quy định của pháp luật về kinh doanh vận tải.

Giám sát, kiểm tra việc thực hiện nghĩa vụ thuế của các chủ phương tiện thuộc phạm vi trách nhiệm của đơn vị mình.

Khi phát sinh trường hợp mua, bán phương tiện vận tải phải làm đầy đủ thủ tục sang tên, đổi chủ và hoàn thành nghĩa vụ thuế theo quy định.

Lưu giữ đầy đủ các hợp đồng dịch vụ vận tải và các chứng từ, tài liệu khác có liên quan đến hoạt động vận tải, cung cấp kịp thời cho cơ quan Thuế và cơ quan chức năng kiểm tra khi có yêu cầu theo quy định của Luật Quản lý thuế và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Cục Thuế hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện và tổng hợp những vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Quyết định này; chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan xử lý, giải quyết hoặc đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Quyết định cho phù hợp.

2. Trường hợp giá cước vận tải trên thị trường biến động tăng, hoặc giảm từ 20% trở lên so với mức doanh thu tối thiểu hoặc có trường hợp chưa được quy định tại Phụ lục kèm theo Quyết định này, Cục Thuế chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp.

Điều 4. Hiệu lực, trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2018.

2. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tư pháp; Giám đốc Công an tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; Thủ trưởng các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Giao thông vận tải, Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Tổng cục Thuế;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Ban, Cơ quan thuộc Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh và các Hội, Đoàn thể tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; Văn phòng HĐND tỉnh;
- Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Báo Bắc Giang;
- LDVP, các phòng CV, TTTT;
- Lưu: VT, TPKT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Thu Hà

PHỤ LỤC

MỨC DOANH THU TỐI THIỂU BÌNH QUÂN/ THÁNG CỦA MỘT PHƯƠNG GIẢI KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG Ô TÔ

Ban hành kèm theo Quyết định số 45 /2017/QĐ-UBND ngày 19 tháng 1 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang

1. Vận tải hàng hóa

Doanh thu vận tải hàng hóa tính theo trọng tải xe (đồng/xe/tháng):

- Xe từ 1 tấn đến dưới 2,5 tấn: 8.500.000 đồng
- Xe từ 2,5 tấn đến dưới 3,5 tấn: 11.000.000 đồng
- Xe từ 3,5 tấn đến dưới 5 tấn: 13.000.000 đồng
- Xe từ 5 tấn đến dưới 11 tấn: 17.000.000 đồng
- Xe từ 11 tấn đến dưới 20 tấn: 21.000.000 đồng
- Xe trên 20 tấn: 35.000.000 đồng

2. Vận tải hành khách

Doanh thu vận tải hành khách tính theo xe và số ghế thiết kế của từng loại xe (đồng/xe/tháng):

- Xe Taxi và xe có số ghế dưới 10 ghế: Doanh thu = 9.500.000 đồng
- Xe có số ghế từ 10 đến 16 ghế: doanh thu = 10.000.000 đồng
- Xe có số ghế từ 17 đến 29 ghế: doanh thu = 15.000.000 đồng
- Xe có số ghế từ 30 đến 39 ghế: doanh thu = 24.000.000 đồng
- Xe có số ghế từ 40 đến 16 ghế: doanh thu = 32.000.000 đồng